

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI
MAY MẶC MIỀN BẮC**

Báo cáo tài chính đã soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-24

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 79 Lạc Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn kinh doanh, thành lập chi nhánh và thay đổi địa chỉ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 1 đến lần 11 ngày 27/05/2015; theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 0100108127 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 25/05/2012.

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm:

- *Kinh doanh văn phòng làm việc;*
- *Kinh doanh kho bãi;*
- *Gia công các sản phẩm may mặc.*

Công ty có trụ sở tại số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|--------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| - Bà Trần Thanh Hương | Chủ tịch Hội đồng quản trị | |
| - Ông Đinh Văn Tòng | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị | |
| - Ông Vũ Văn Thiếu | Ủy viên Hội đồng quản trị | <i>Miễn nhiệm ngày 10/05/2016</i> |
| - Bà Nguyễn Thị Kim Dung | Ủy viên Hội đồng quản trị | <i>Bỏ nhiệm ngày 10/05/2016</i> |
| - Ông Trần Đức Minh | Ủy viên Hội đồng quản trị | <i>Bỏ nhiệm ngày 10/05/2016</i> |
| - Ông Đặng Trọng Ngôn | Ủy viên Hội đồng quản trị | <i>Từ nhiệm ngày 10/05/2016</i> |
| - Bà Lâm Thị Thu Phương | Ủy viên Hội đồng quản trị | |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|---------------------|---------------|
| - Ông Đinh Văn Tòng | Tổng Giám đốc |
|---------------------|---------------|

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU KỲ TÀI CHÍNH

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



ĐÌNH VĂN TÙNG

Tổng Giám đốc



Số: 259/2016/BCSX - BDO

Tel: +84 (0)4 37833911/12/13
Fax: +84 (0)4 37833914
www.bdo.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc (dưới đây được viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/08/2016, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



BÙI VĂN VƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0780-2013-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.036.914.012	18.740.008.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.378.933.643	15.655.125.073
1. Tiền	111		6.378.933.643	1.655.125.073
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	14.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	19.201.602.367	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		19.201.602.367	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.999.668.329	777.328.930
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	395.692.275	254.738.950
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.338.504.266	19.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	273.657.192	511.775.384
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(8.185.404)	(8.185.404)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	100.939.483	104.848.758
1. Hàng tồn kho	141		100.939.483	269.469.150
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(164.620.392)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.355.770.190	2.202.705.993
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	503.388.832	411.226.591
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	852.381.358	1.791.479.402
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.578.523.874	61.296.381.133
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.564.471.537	52.159.867.490
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	50.564.471.537	52.159.867.490
- Nguyên giá	222		86.399.880.313	87.609.375.672
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.835.408.776)	(35.449.508.182)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.014.052.337	9.136.513.643
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	5.014.052.337	9.136.513.643
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		90.615.437.886	80.036.389.887

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.144.371.647	6.930.208.933
I. Nợ ngắn hạn	310		18.020.819.647	6.806.656.933
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	103.055.838	122.305.838
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	132.708.100	55.082.618
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.383.824.600	2.917.281.838
4. Phải trả người lao động	314		763.246.220	1.729.385.157
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	4.800.000	96.593.865
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.810.909
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	5.182.543.355	2.114.637.674
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	9.958.360.500	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		492.281.034	(230.440.966)
II. Nợ dài hạn	330		123.552.000	123.552.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	123.552.000	123.552.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.471.066.239	73.106.180.954
I. Vốn chủ sở hữu	410		72.471.066.239	73.106.180.954
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	57.029.400.000	57.029.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	9.398.766.656	8.028.766.656
8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	6.042.899.583	8.048.014.298
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.395.473.298	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.647.426.285	8.048.014.298
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		90.615.437.886	80.036.389.887

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016



mb

mb

NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ

NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ

ĐINH VĂN TÙNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	20.596.357.849	19.952.746.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	20.596.357.849	19.952.746.912
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	10.788.183.387	13.062.800.542
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.808.174.462	6.889.946.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	124.157.688	257.005.444
7. Chi phí tài chính	22	V.20	196.007.819	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		193.828.447	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.21	300.383.670	548.289.079
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.22	4.567.973.939	6.364.842.236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.867.966.722	233.820.499
11. Thu nhập khác	31	VI.24	2.040.223.873	14.565.219.478
12. Chi phí khác	32	VI.24	1.874.388.561	2.025.024.006
13. Lợi nhuận khác	40		165.835.312	12.540.195.472
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.033.802.034	12.774.015.971
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	1.386.375.749	2.905.814.188
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.647.426.285	9.868.201.783
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	640	1.730
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		640	1.730

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016



NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ

Người lập



NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ

Kế toán trưởng



ĐINH VĂN TÙNG

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 79 Lạc Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp trực tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	22.826.784.351	23.125.406.089
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(26.470.841.820)	(9.622.026.419)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.539.931.277)	(6.154.681.381)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(193.828.447)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.923.173.281)	(2.794.357.738)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.739.899.495	2.725.004.597
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.958.454.444)	(8.472.456.528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.519.545.423)	(1.193.111.380)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(680.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	92.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	154.268.798	256.773.956
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	246.814.253	(423.226.044)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	9.958.360.500	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.961.481.745)	(10.225.800.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.996.878.755	(10.225.800.675)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(4.275.852.415)	(11.842.138.099)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.655.125.073	18.060.159.367
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(339.015)	231.488
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.378.933.643	6.218.252.756

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016



NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ
Người lập



NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ
Kế toán trưởng



ĐINH VĂN TÔNG
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn kinh doanh, thành lập chi nhánh và thay đổi địa chỉ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 1 đến lần 11 ngày 27/05/2015; theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 0100108127 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 25/05/2012.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- *Kinh doanh văn phòng làm việc;*
- *Kinh doanh kho bãi;*
- *Gia công các sản phẩm may mặc.*

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

Công ty có 02 đơn vị phụ thuộc, cụ thể như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
<i>Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc - Xí nghiệp xây dựng</i>	<i>Số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội</i>
<i>Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc - Trung tâm thời trang TEXTACO</i>	<i>Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội</i>

Công ty có trụ sở tại số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đến ngày 30/06/2016, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 152 người (tại ngày 31/12/2015 là 183 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền sử dụng trong kế toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 206/2009/TT-BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch trong kỳ: không phát sinh.

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư chứng khoán.

Đối với chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng) trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận (nếu có). Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu (đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm khớp lệnh T+0; đối với chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật). Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	06 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	05 - 06 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm cháy nổ, chi phí cải tạo nhà xưởng, thuế đất phi nông nghiệp và công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn văn phòng, nhà kho, công cụ dụng cụ đã xuất dùng, chi phí chống mối, chi phí đề án môi trường và nước thải... được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 – 36 tháng.

Nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí quảng cáo.

Vốn chủ sở hữu và cổ phiếu quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp cộng với phần lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định, cụ thể như sau:

Công ty thực hiện phân phối phần lợi nhuận còn lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-ĐHCD ngày 10/05/2016, cụ thể như sau:

- Trích 10% vào Quỹ đầu tư phát triển;
- Trích 10% vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ (Công ty đã tạm ứng 10% cổ tức trong năm 2015, 5% cổ tức còn lại được chi trong năm 2016).

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cho thuê văn phòng làm việc, cho thuê kho

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng làm việc, thuê kho được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Doanh thu cho thuê văn phòng làm việc, thuê kho theo hợp đồng thuê kho được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu gia công

Doanh thu gia công hàng may mặc được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền phí gia công thu được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, các khoản thu nhập từ tiền bán điện cho các đơn vị thuê kho và văn phòng; Tiền thuê đất các năm trước được miễn giảm. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Thu nhập từ bán điện cho các đơn vị thuê kho và văn phòng được ghi nhận căn cứ vào biên bản xác nhận số điện tiêu thụ của hai bên.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hoạt động gia công, dịch vụ đã cung cấp. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí khấu hao, hoa hồng bán hàng, chi phí bốc xếp vận chuyển và các chi phí bằng tiền khác.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (*điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...*); chi phí bằng tiền khác (*tiếp khách...*).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt tại quỹ	49.452.510	2.956.034
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.329.481.133	1.652.169.039
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	11.378.933.643	15.655.125.073

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2016 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,5%/năm, chi tiết như sau:

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2016 bao gồm:

	VND
+ Ngân hàng TMCP Công thương - CN Chương Dương	3.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Sở giao dịch	2.000.000.000
Cộng	5.000.000.000

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết	19.201.602.367	21.192.500.000	-	-	-	-
GEX (865.000 cổ phiếu)	19.201.602.367	21.192.500.000	-	-	-	-
Tổng giá trị của ĐTTC ngắn hạn	19.201.602.367	21.192.500.000	-	-	-	-

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập nhằm phản ánh sự suy giảm giá thị trường của các cổ phiếu có liên quan tại ngày kết thúc niên độ.

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đầu kỳ	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: SD và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn cuối kỳ	-	-

3. Phải thu khách hàng

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Bà Phạm Thị Kim Oanh	133.672.000	-
Công ty cổ phần may Vạn Xuân	85.027.325	-
Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Thú y Tiến Phát	76.538.000	-
Công ty TNHH thời trang D.E.S	4.974.200	138.382.200
Công ty TNHH TMA	-	42.660.000
Các khách hàng còn lại	95.480.750	73.696.750
Cộng	395.692.275	254.738.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán****4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP thông tin và truyền thông An Thịnh	-	19.000.000
Công ty cổ phần TM và PT công nghệ Hà Nội mới DHP	361.084.266	-
Cty TNHH xây dựng tổng hợp Tiến Thành	1.914.500.000	-
Các khách hàng còn lại	62.920.000	-
Cộng	2.338.504.266	19.000.000

5. Các khoản phải thu khác**Phải thu khác ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
Phải thu về cổ phần hóa	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Ký cược, ký quỹ	-	-
Tạm ứng	189.500.000	177.000.000
Phải thu khác	84.157.192	334.775.384
+ Công ty cổ phần Trường Hà	-	212.460.410
+ Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	30.111.110
+ Công ty TNHH thương mại Hoàng Lê	44.884.000	38.641.000
+ Phải thu khác	39.273.192	53.562.864
Cộng	273.657.192	511.775.384

6. Nợ xấu

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Điện tử Huyndai Việt Nam	10.231.750	2.046.346	10.231.750	2.046.346
Cộng	10.231.750	2.046.346	10.231.750	2.046.346

7. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.373.842	-	19.157.558	-
Công cụ dụng cụ	-	-	50.000	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	91.565.641	-	250.261.592	164.620.392
Hàng hoá	-	-	-	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	100.939.483	-	269.469.150	164.620.392

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 79 Lạc Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	78.017.294.871	2.419.998.987	3.211.897.324	109.075.040	3.851.109.450	87.609.375.672
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.209.495.359)	-	-	-	(1.209.495.359)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	78.017.294.871	1.210.503.628	3.211.897.324	109.075.040	3.851.109.450	86.399.880.313
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	28.302.618.777	2.321.036.524	2.120.505.866	109.075.040	2.596.271.975	35.449.508.182
Khấu hao trong năm	1.299.792.780	12.769.350	222.423.814	-	60.410.009	1.595.395.953
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.209.495.359)	-	-	-	(1.209.495.359)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	29.602.411.557	1.124.310.515	2.342.929.680	109.075.040	2.656.681.984	35.835.408.776
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	49.714.676.094	98.962.463	1.091.391.458	-	1.254.837.475	52.159.867.490
Tại ngày 30/06/2016	48.414.883.314	86.193.113	868.967.644	-	1.194.427.466	50.564.471.537

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 14.138.829.527 đồng

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:

- đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:

- đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

	30/06/2016	01/01/2016
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.148.787	78.467.842
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	114.374.335	77.333.336
Chi phí diệt mối	52.763.238	103.168.334
Cải tạo nhà xưởng	279.094.630	152.257.079
Thuế đất phi nông nghiệp	49.007.842	-
Cộng	503.388.832	411.226.591
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà kho	4.417.121.274	8.817.492.056
Hệ thống camera, đèn chiếu sáng	186.732.080	285.317.655
Chi phí đề án nước thải	12.127.095	33.703.932
Chi phí chống mối	398.071.888	-
Cộng	5.014.052.337	9.136.513.643

10. Phải trả người bán

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH thiết bị PCCC Gia Lâm	93.045.600	93.045.600	93.045.600	93.045.600
Công ty TNHH kiểm toán BDO	-	-	19.250.000	19.250.000
Phải trả cho các đối tượng khác	10.010.238	10.010.238	10.010.238	10.010.238
Cộng	103.055.838	103.055.838	122.305.838	122.305.838

11. Người mua trả tiền trước

	30/06/2016	01/01/2016
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
Công ty trách nhiệm hữu hạn BIONA Việt Nam	19.053.000	19.053.000
Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ Hàn Việt	16.709.000	1.519.000
Công ty cổ phần dược phẩm CMC Việt Nam	16.250.000	-
Công ty TNHH thương mại & dịch vụ mỹ phẩm Thiên An	16.650.000	-
Công ty TNHH điện máy Chigo Việt Nam	25.200.000	-
Phải trả cho các đối tượng khác	38.846.100	34.510.618
Cộng	132.708.100	55.082.618

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

12.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2016
Thuế giá trị gia tăng	996.435.999	1.958.337.413	2.078.741.331	876.032.081
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.893.447.318	1.386.375.749	2.923.173.281	356.649.786
Thuế thu nhập cá nhân	27.398.521	171.978.280	48.234.068	151.142.733
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.486.092.959	2.486.092.959	-
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	2.917.281.838	6.007.784.401	7.541.241.639	1.383.824.600

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Địa chỉ: 79 Lạc Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

15. Vay và nợ thuế tài chính

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giá trị	
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (*)	-	-	-	9.958.360.500	9.958.360.500
Cộng	-	-	-	9.958.360.500	9.958.360.500

(*): Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội có thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất vay 7,7%/năm và được bảo đảm bằng tài sản trên tài khoản giao dịch số 059C006579 của Công ty mở tại công ty cổ phần chứng khoán quốc tế Hoàng Gia.

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	57.029.400.000	-	-	7.161.556.736	9.286.528.910	73.477.485.646
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	13.686.883.298	13.686.883.298
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(11.841.549.525)	(11.841.549.525)
Phân phối các quỹ	-	-	-	867.209.920	(3.083.848.385)	(2.216.638.465)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	57.029.400.000	-	-	8.028.766.656	8.048.014.298	73.106.180.954
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3.647.426.285	3.647.426.285
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	(2.912.541.000)	(2.912.541.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	1.370.000.000	(2.740.000.000)	(1.370.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	57.029.400.000	-	-	9.398.766.656	6.042.899.583	72.471.066.239

(*): Tại ngày 30/06/2016, Công ty đã trích các quỹ và phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2015 cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 06/NQ-ĐHCD ngày 10/05/2016.

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2016			01/01/2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông	57.029.400.000	57.029.400.000	-	57.029.400.000	57.029.400.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Cộng	57.029.400.000	57.029.400.000	-	57.029.400.000	57.029.400.000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	57.029.400.000	57.029.400.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	57.029.400.000	57.029.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.912.541.000	11.768.549.525

Cổ phiếu:

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

	30/06/2016	01/01/2016
Quỹ đầu tư phát triển	9.398.766.656	8.028.766.656
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

Mục đích trích lập các quỹ:

+ Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Các chi tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.596.357.849	19.952.746.912
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu gia công	3.044.690.748	3.763.235.710
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.551.667.101	16.189.511.202
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.596.357.849	19.952.746.912
<i>Doanh thu thuần gia công</i>	<i>3.044.690.748</i>	<i>3.763.235.710</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>17.551.667.101</i>	<i>16.189.511.202</i>

18. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Giá vốn gia công	3.179.614.751	4.242.294.254
Giá vốn dịch vụ	7.608.568.636	8.820.506.288
Cộng	10.788.183.387	13.062.800.542

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.157.688	256.773.956
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	231.488
Cộng	124.157.688	257.005.444

20. Chi phí tài chính

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Lãi tiền vay	193.828.447	-
Chi phí tài chính khác	2.179.372	-
Cộng	196.007.819	-

21. Chi phí bán hàng

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Chi phí khấu hao	274.901.855	413.260.009
Dịch vụ mua ngoài	16.946.815	110.499.070
Chi phí bằng tiền khác	8.535.000	24.530.000
Cộng	300.383.670	548.289.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Chi phí nhân viên quản lý	2.074.131.450	2.749.221.418
Thuế, phí, lệ phí	50.645.354	50.717.060
Dịch vụ mua ngoài	1.782.976.616	2.298.075.356
Chi phí bằng tiền khác	660.220.519	1.266.828.402
Cộng	4.567.973.939	6.364.842.236

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.088.476.256	2.905.814.188
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm nay	297.899.493	-
Cộng	1.386.375.749	2.905.814.188

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	5.033.802.034	12.774.015.971
<u>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</u>	<u>408.579.245</u>	<u>434.230.338</u>
Các khoản điều chỉnh tăng	408.579.245	435.549.910
Các khoản phạt	220.448.677	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	188.130.568	435.549.910
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.319.572)
Chênh lệch tỷ giá tăng do đánh giá lại số dư khoản mục tiền có gốc ngoại tệ		(1.319.572)
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	5.442.381.279	13.208.246.309
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	5.442.381.279	13.208.246.309
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	1.088.476.256	2.905.814.188
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	1.893.447.318	794.357.738
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	297.899.493	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(2.923.173.281)	(2.794.357.738)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	356.649.786	905.814.188

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**24. Thu nhập khác và chi phí khác**

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Thu nhập khác	2.040.223.873	14.565.219.478
- Tiền trông giữ xe	246.195.753	284.746.099
- Tiền điện nước của các đối tượng thuê kho, văn phòng	1.690.982.665	1.785.329.674
- Tiền thuê đất được giảm	-	12.446.552.694
- Tiền thu từ thanh lý tài sản	92.545.455	-
- Các khoản khác	10.500.000	48.591.011
Chi phí khác	1.874.388.561	2.025.024.006
- Tiền điện nước của các đối tượng thuê kho, văn phòng sử dụng	1.615.909.314	1.551.219.013
- Các khoản phạt	220.448.677	-
- Các khoản khác	38.030.570	473.804.993
Lợi nhuận khác thuần	165.835.312	12.540.195.472

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.843.750	10.627.000
Chi phí nhân công	4.672.818.704	6.428.443.882
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.595.395.953	1.745.960.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.089.124.898	7.022.991.915
Chi phí khác bằng tiền	4.298.282.132	5.109.195.074
Cộng	15.662.465.437	20.317.218.046

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.647.426.285	9.868.201.783
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	3.647.426.285	9.868.201.783
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	640	1.730

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu kỳ	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong kỳ	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.702.940	5.702.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Tiền lương và phụ cấp	302.433.000	542.875.455
Tiền thưởng	-	55.000.000
Các khoản khác	6.307.000	142.353.164
Cộng	308.740.000	740.228.619

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ
Người lập

NGUYỄN THỊ ĐỨC HÀ
Kế toán trưởng



ĐINH VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc